

Bản án số: 279/2025/DS-ST

Ngày: 24 - 06 - 2025.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tuấn.

2. Ông Lê Trọng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 694/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2025/QĐHPT-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V

Trụ sở: số H đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn:

Ông Hoàng Hải L, sinh năm 2000 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu A, số I đường C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 14278/2024/UQ-VPB ngày 11/11/2024 của Ngân hàng TMCP V).

Bị đơn: Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Căn cước số: 036068001952

Địa chỉ: F đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2024, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Hải L - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/10/2022, ông Trần Ngọc M ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ - P-4368489, với hạn mức 100.000.000 đồng.

Ngày 29/9/2023, ông Trần Ngọc M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V1) ký hợp đồng cho vay số LD2327200652 với số tiền là 952.000.000 đồng, mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng, lãi suất 23%/năm (lãi suất được tính theo 01 năm là 365 ngày).

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên, ông Trần Ngọc M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 05/12/2024, ngân hàng V1 chuyển sang nợ quá hạn theo Hợp đồng cho vay số LD2327200652 và ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 đã ký. Mặc dù, Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông Trần Ngọc M trả nợ nhưng ông M vẫn cố tình trốn tránh, không trả nợ cho ngân hàng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc M phải thanh toán ngay cho Ngân hàng V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản phát sinh liên quan. Tạm tính đến ngày 24/6/2025, dư nợ theo các Hợp đồng đã ký mà ông Trần Ngọc M phải trả cho Ngân hàng V1 tổng cộng là 1.702.993.048 đồng. Trong đó, nợ gốc 1.051.945.655 đồng; nợ lãi 651.047.393 đồng.

Ngoài ra, ông Trần Ngọc M tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, các thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng V1, kể từ ngày 25/6/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V1.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng V1 có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Ngọc M vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Ngọc M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng tín dụng. Quá trình sử dụng thẻ và vay vốn bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn thiếu để thu hồi nợ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V1 yêu cầu bị đơn ông Trần Ngọc M trả số tiền nợ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bị đơn ông Trần Ngọc M cư trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Xét Văn bản ủy quyền số 14278/2024/UQ-VPB ngày 11/11/2024 của Ngân hàng V1 ủy quyền cho ông Hoàng Hải L tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, ông Hoàng Hải L là đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông M vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa, ông M cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng cho vay số LD2327200652 ngày 29/9/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 25/10/2022 của Ngân hàng TMCP V với ông Trần Ngọc M được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 25/10/2022, căn cứ bảng kê tính lãi và bản tự khai của ngân hàng V1 có cơ sở xác định ông M đã sử dụng thẻ tín dụng có hạn mức 100.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông M không thanh toán nợ gốc và lãi. Do ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V1 nên ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất về nợ quá hạn kể từ ngày 05/12/2023. Như vậy, ông M còn nợ số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2025 là 187.046.505 đồng (1), trong đó nợ gốc là 99.945.655, nợ lãi là 87.100.850 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc và lãi đối với Hợp đồng cho vay số cho vay số LD2327200652 ngày 29/9/2023, căn cứ bảng kê tính lãi, bản tự khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Trần Ngọc M vay của ngân hàng số tiền 952.000.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng V1 giải ngân đến nay ông M chỉ thanh toán số tiền nợ lãi là 22.195.945 đồng, không thanh toán tiền nợ gốc. Theo quy định tại khoản 5,6 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số LD2327200652 ngày 29/9/2023, ông M đã vi phạm nghĩa vụ. Do đó, đối chiếu bản sao kê do ngân

hàng cung cấp ngày 24/6/2025 ông M còn nợ số tiền là 1.515.946.542 đồng **(2)**, trong đó nợ gốc là 952.000.000 đồng, nợ lãi là 563.946.542 đồng.

Như vậy, tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2025, ông M phải trả cho Ngân hàng V1 là **(1)+(2)** là: 1.702.993.048 đồng, trong đó nợ gốc là 1.051.945.655 đồng, nợ lãi là 651.047.392 đồng.

[2.3] Về quy định áp dụng lãi suất và lãi suất nợ quá hạn, Ngân hàng áp dụng lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là “150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn” theo khoản 2 Điều 3 Phần B – Bản điều kiện giao dịch chung về vay từng lần và/hoặc vay hạn mức và theo Điều 6 Phần D – Bản điều kiện giao dịch chung về cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”. Xét thấy, đến kỳ hạn trả nợ phía bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của các hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” và Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 24/6/2025 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 25/6/2025 cho đến khi ông M thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay số LD2327200652 ngày 29/9/2023 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 325-P-4368489 ngày 25/10/2022 giữa Ngân hàng V1 và ông M.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

[1.1] Buộc ông Trần Ngọc M phải có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2025 là 1.702.993.048 (Một tỷ, bảy trăm linh hai triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 1.051.945.655 (Một tỷ, không trăm năm mươi một triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi năm) đồng, nợ lãi là 651.047.393 (Sáu trăm năm mươi một triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi ba) đồng.

[1.2] Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 25/6/2025 trên số tiền nợ còn lại cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LD2327200652 ngày 29/9/2023 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 325-P-4368489 ngày 25/10/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với ông Trần Ngọc M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 63.089.791 (Sáu mươi ba triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm chín mươi một) đồng, ông Trần Ngọc M phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 25.218.740 (Hai mươi năm triệu, hai trăm mười tám nghìn, bảy trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0075142 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Phương Lan